

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN A
TỈNH QUẢNG NGÃI**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 06/2018/HNGĐ-ST
Ngày 17 tháng 4 năm 2018
*V/v: Ly hôn, tranh chấp về
nuôi con khi ly hôn.*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM.
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN A, TỈNH QUẢNG NGÃI.

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thi Thơ.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Ngọc Vinh và bà Nguyễn Thị Kiều Hoanh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Vân – Thư ký Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh Quảng Ngãi.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện A tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Khánh Vương – Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 4 năm 2018 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện A xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 123/2017/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 12 năm 2017 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 04/2018/QĐXX – ST ngày 08 tháng 3 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 04/2018/QĐST-HNGĐ ngày 29 tháng 3 năm 2018 giữa các đương sự:

1- **Nguyên đơn:** Chị Nguyễn Thị Tố L, sinh năm 1993.

Địa chỉ: Thôn T, xã D, huyện A, tỉnh Quảng Ngãi.

2- **Bị đơn:** Anh Nguyễn Thế N, sinh năm 1989.

Địa chỉ: Thôn An Sơn, xã D, huyện A, tỉnh Quảng Ngãi.

Chị L có mặt, anh N vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 21 tháng 11 năm 2017, các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn chị Nguyễn Thị Tố L trình bày:

Ngày 15 tháng 11 năm 2016 chị và anh Nguyễn Thế N đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã D, huyện A, tỉnh Quảng Ngãi. Trong thời gian chung sống phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do tính tình không hợp nhau, vợ chồng luôn bất đồng quan điểm sống. Từ tháng 8 năm 2017 đến nay mỗi người sống mỗi nơi, anh N không quan tâm

đến vợ con. Chị L xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nữa, vì vậy chị L làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh N.

Về con chung:

Có 01 con chung tên: Nguyễn Thị Kim N1, sinh ngày 20 tháng 4 năm 2017. Hiện nay chị L trực tiếp nuôi con, chị L yêu cầu được trực tiếp nuôi con và yêu cầu anh N có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000đ (Một triệu đồng) cho đến khi con đã thành niên đủ 18 tuổi, thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 11 năm 2017.

Về tài sản: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Nguyễn Thế N đã nhận thông báo về việc thụ lý vụ án, nhưng không có văn bản ghi ý kiến trình bày của mình đối với yêu cầu của Nguyên đơn, và được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng không đến Tòa án làm việc theo giấy triệu tập của Tòa án.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến: Về thủ tục tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử thực hiện đúng và đầy đủ các thủ tục tố tụng kể từ thời điểm thụ lý giải quyết vụ án cho đến tại phiên tòa hôm nay, thời hạn giải quyết vụ án đúng luật định. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ; bị đơn thực hiện chưa đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng quy định tại các Điều 70, 71 và Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

Nội dung:

Căn cứ Điều 21, Khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 262 Bộ luật tố tụng dân sự

Áp dụng Điều 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội đề nghị Hội đồng xét xử tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Tố L.

- Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Tố L được ly hôn anh Nguyễn Thế N.

- Về con chung và cấp dưỡng nuôi con: Giao cháu Nguyễn Thị Kim N1 (sinh ngày 20/4/2017) cho chị Nguyễn Thị Tố L tiếp tục nuôi dưỡng, anh Nguyễn Thế N có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con định kỳ 1.000.000 đồng/tháng cho đến khi cháu N1 đủ 18 tuổi, anh N có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được quyền ngăn cản.

- Chị Nguyễn Thị Tố L phải chịu án phí ly hôn, anh Nguyễn Thế N có nghĩa vụ chịu án phí cấp dưỡng định kỳ theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử thấy rằng:

[1] Về tố tụng:

Chị Nguyễn Thị Tố L khởi kiện yêu cầu được ly hôn, tranh chấp về nuôi con đôi với anh Nguyễn Thế N. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28; Điểm a Khoản 1 Điều 35 Bộ Luật Tố Tụng Dân Sự nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh Quảng Ngãi.

Tòa án đã tổng đạt hợp lệ nhiều văn bản tố tụng, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, giấy triệu tập và Quyết định hoãn phiên tòa cho anh Nguyễn Thế N, nhưng anh N vắng mặt. Qua xác minh tại địa phương, cho biết anh N hiện đang đăng ký hộ khẩu thường trú tại địa phương và hiện đang có mặt tại địa phương, nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt anh N phù hợp với quy định tại Điểm b Khoản 2 Điều 227 Bộ Luật Tố Tụng Dân Sự và anh N phải chịu hậu quả pháp lý do Bộ Luật Tố Tụng Dân Sự quy định.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Ngày 15 tháng 11 năm 2016, chị Nguyễn Thị Tố L và anh Nguyễn Thế N có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã D, huyện A, tỉnh Quảng Ngãi nên quan hệ hôn nhân giữa chị L và anh N là hợp pháp. Quá trình chung sống phát sinh mâu thuẫn, Tòa án đã tiến hành hòa giải nhiều lần nhưng chị L cương quyết xin ly hôn, vì không còn tình cảm với anh N. Từ tháng 8 năm 2017 đến nay, mỗi người sống mỗi nơi không quan tâm với nhau. Xét thấy, mâu thuẫn giữa chị L và anh N đã trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên việc chị L yêu cầu giải quyết ly hôn là có căn cứ, Hội đồng xét xử chấp nhận cho chị L được ly hôn anh N phù hợp với quy định tại Khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về con chung và cấp dưỡng: Vợ chồng chị L và anh N có 01 con chung là cháu Nguyễn Thị Kim N1, sinh ngày 20 tháng 4 năm 2017, hiện nay cháu đang sống với chị L, chị L có nguyện vọng được nuôi con. Xét thấy, cháu N1 dưới 36 tháng tuổi, Hội đồng xét xử chấp nhận giao cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con là phù hợp quy định tại Khoản 3 Điều 81 luật Hôn nhân và gia đình.

Chị L yêu cầu anh N có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000đ (Một triệu đồng), Hội đồng xét xử chấp nhận và buộc anh N phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000đ cho đến khi con đã thành niên đủ 18 tuổi, thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 11 năm 2017 là phù hợp quy định tại Điều 82; Điều 116, Điều 117 luật Hôn nhân và gia đình.

Anh Nguyễn Thế N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

[2.3] Về tài sản và nợ: Chị L trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Căn cứ vào Khoản 4 Điều 147 Bộ Luật Tố Tụng Dân Sự và Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016, chị L phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn. Anh N phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm về nghĩa vụ cấp dưỡng.

[4] Ý kiến đề nghị của Kiểm sát viên là phù hợp với nhận định, phân tích, đánh giá của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 1 Điều 28; Điểm a Khoản 1 Điều 35; Điểm b Khoản 2 Điều 227; Khoản 4 Điều 147 Bộ Luật Tố Tụng Dân Sự. Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án.

Căn cứ Khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 110; Điều 116; Điều 117 Luật Hôn nhân và gia đình.

Tuyên xử:

1- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Tố L.

- Chị Nguyễn Thị Tố L được ly hôn anh Nguyễn Thế N

2- Về con chung:

Giao cháu Nguyễn Thị Kim N1, sinh ngày 20 tháng 4 năm 2017 cho chị Nguyễn Thị Tố L tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng.

Buộc anh Nguyễn Thế N có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con Nguyễn Thị Kim N1, sinh ngày 20 tháng 4 năm 2017 mỗi tháng 1.000.000 đ (Một triệu đồng) cho đến khi cháu N1 đủ 18 tuổi, thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 11 năm 2017.

Anh Nguyễn Thế N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên phải thi hành án chậm thi hành án thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng, thì bên phải thi hành án phải chịu tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ Luật Dân Sự năm 2015 tương ứng với thời gian chậm trả cho đến khi thi hành xong.

3- Về án phí:

Chị Nguyễn Thị Tố L phải chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Anh Nguyễn Thế N phải chịu 300.000 (Ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về nghĩa vụ cấp dưỡng.

Chị Nguyễn Thị Tố L có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với anh Nguyễn Thế N được tính từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án

theo quy định tại các Điều 6, 7, 7_a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKS huyện;
- Chi cục THA huyện;
- UBND xã D;
- Đường sự;
- Lưu VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

TRẦN THỊ THI THƠ